

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 14 – 7 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên;

2. Ông Nguyễn Văn Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quây - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-DS ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tăng Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An (nay là Ấp A, xã K, tỉnh Tây Ninh).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị T2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An (nay là Ấp A, xã K, tỉnh Tây Ninh).

Ông T và bà T2 có mặt; ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2025 của nguyên đơn ông Tăng Văn T và phần trình bày của ông T trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Tăng Văn T và ông Nguyễn Quốc T1 là bạn bè. Vào ngày 22/3/2024 âm lịch ông T cho ông Nguyễn Quốc T1 vay số tiền 40.000.000 đồng có viết giấy biên

nhận, hẹn 02 ngày sau trả nợ. Ngày 23/3/2024 âm lịch ông T tiếp tục cho ông T1 vay thêm 10.000.000 đồng nhưng vì tin tưởng nên không làm giấy biên nhận, hẹn ngày hôm sau trả. Khi cho vay tiền có ông Lê Văn K là bạn của ông T và bạn ông T1 chứng kiến. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông T (vợ tên Võ Thị T2).

Đến nay ông T1 chưa thanh toán nợ, ông T đã liên hệ, gọi điện nhiều lần nhưng ông T1 không nghe máy. Vào ngày 22/4/2024 vợ chồng ông T và bà Võ Thị T2 đến nhà ông T1 đòi tiền nợ vay, có ghi âm bằng điện thoại. Ông T1 có hứa đến vụ lúa trả nợ nhưng vợ chồng ông không đồng ý.

Do đó, ông T yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ vay gốc là 50.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2 trình bày: Bà T2 là vợ ông Tăng Văn T, có đăng ký kết hôn. Số tiền mà ông T cho ông T1 vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Nay tôi thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Quốc T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung: Ông Tăng Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc T1 trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận vì căn cứ vào chứng nhận mượn tiền ngày 22/3/2024 có ký nhận tiền của ông T1 và có sự xác nhận của ông Lê Văn K là người chứng kiến hai lần việc ông T1 ký nhận và nhận tiền vay của ông T tổng cộng 50.000.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Tăng Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc T1 có địa chỉ cư trú tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) trả tiền nợ vay gốc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quốc T1 đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Ông Tăng Văn T yêu cầu ông Nguyễn Quốc T1 thanh toán số tiền nợ vay gốc 50.000.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày nên được xem là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ để chứng minh bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết.

[3.3] Căn cứ giấy chứng nhận mượn tiền chữ viết tay có nội dung: "Hôm nay ngày 22 tháng 3 năm 2024 tôi tên Tăng Văn T, sinh năm 1978 có cho anh Nguyễn Quốc T1 mượn số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng)", có ký nhận của người mượn tiền. Căn cứ lời khai của người làm chứng là ông Lê Văn K trình bày có chứng kiến ông T cho ông T1 vay tiền lần đầu là 40.000.000 đồng và viết biên nhận, lần thứ hai là 10.000.000 đồng không viết biên nhận.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa ông T và ông T1 có xác lập hợp đồng vay tài sản, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng phù hợp theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T trình bày khi cho vay thỏa thuận hạn trả trong hai ngày, ông T cho rằng đến nay ông T1 chưa thanh toán nợ. Bị đơn ông T1 không chứng minh được đã thanh toán tiền nợ vay nên căn cứ Điều 466, Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về lãi: Ông T không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông T1 có trách nhiệm nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Quốc T1.

Buộc ông Nguyễn Quốc T1 có trách nhiệm trả cho ông Tăng Văn T số tiền nợ vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm là 2.500.000 đồng. Ông Tăng Văn T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002859 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Tăng Văn T, bà Võ Thị T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung